

# CHUYÊN ĐỀ BẢO ĐẢM DỰ THẦU TRONG ĐẤU THẦU LỰA CHỌN NHÀ THẦU

TS. Đỗ Kiên Vọng Tel: 0978.459.828

## 1. KHÁI NIỆM VÀ MỤC ĐÍCH

### 1.1 Khái niệm

Đảm bảo dự thầu là biện pháp mà nhà thầu hoặc nhà đầu tư thực hiện nhằm **bảo đảm trách nhiệm tham gia dự thầu**, tức là thể hiện tính nghiêm túc, cam kết của mình khi tham gia lựa chọn nhà thầu hoặc lựa chọn nhà đầu tư.

Cụ thể, theo quy định mới, bên tham gia dự thầu phải thực hiện một trong các biện pháp sau: đưa tiền đặt cọc, nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập tại Việt Nam, hoặc nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước hoặc chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

### 1.2 Mục đích

- Đảm bảo nhà thầu / nhà đầu tư tham gia một cách nghiêm túc, không vì danh nghĩa mà bỏ tham gia hoặc rút sau khi có kết quả chốt.
- Bảo vệ quyền lợi Chủ đầu tư, vì nếu nhà thầu trúng thầu rồi bỏ, gây tổn hại cho Chủ đầu tư thì có cơ sở để xử lý bảo đảm.
- Góp phần nâng cao tính minh bạch, cạnh tranh công bằng trong lựa chọn nhà thầu/nhà đầu tư.

***Lưu ý: Bảo đảm dự thầu không được làm rõ trong quá trình đánh giá Hồ sơ dự thầu.***

## 2. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 – có hiệu lực từ ngày 01/01/2024.
- Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 (có hiệu lực từ ngày 01/07/2025).
- Các nghị định, thông tư hướng dẫn chi tiết quy định của Luật. Ví dụ: Nghị định 214/2025/NĐ-CP hướng dẫn lựa chọn nhà thầu.
- Các văn bản hướng dẫn liên quan đến bảo đảm dự thầu cụ thể (như giá trị, hình thức, thời hạn). Ví dụ: thông tin tại về tính hợp lệ của bảo đảm dự thầu.

## 3. TRƯỜNG HỢP ÁP DỤNG

Theo khoản 2 Điều 14 Luật Đấu thầu 2023: “Bảo đảm dự thầu” được áp dụng trong các trường hợp:

- Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp và gói thầu hỗn hợp.

- Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với lựa chọn nhà đầu tư.

- Như vậy, không phải mọi hình thức đấu thầu đều yêu cầu bảo đảm dự thầu - chỉ khi hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu có quy định và thuộc trường hợp trên.

#### **4. HÌNH THỨC BẢO ĐẢM DỰ THẦU**

##### ***4.1. Các hình thức bảo đảm dự thầu***

Nhà thầu hoặc nhà đầu tư có thể thực hiện một trong các phương thức sau:

- Đặt cọc tiền mặt hoặc chuyển khoản;

- Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập tại Việt Nam;

- Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước hoặc chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập tại Việt Nam.

Lưu ý:

+ *Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, nhà thầu quét (scan) thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh và đính kèm khi nộp E-HSDT. Đối với bảo lãnh dự thầu điện tử, nhà thầu chọn bảo lãnh dự thầu điện tử được phát hành, lưu trữ trên Hệ thống.*

+ *Trường hợp E-HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng.*

+ *Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.*

##### ***4.2. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập, nhà thầu có thể lựa chọn nộp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau đây:***

- Bảo đảm dự thầu chung cho tất các phần mà mình tham dự thầu (giá trị bảo đảm dự thầu sẽ bằng tổng giá trị của các phần nhà thầu tham dự). Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu do nhà thầu nộp nhỏ hơn tổng giá trị cộng gộp thì Chủ đầu tư được quyền quyết định lựa chọn bảo đảm dự thầu đó được sử dụng cho phần nào trong số các phần mà nhà thầu tham dự;

- Bảo đảm dự thầu riêng cho từng phần mà nhà thầu tham dự.

- Trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định thì việc không hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu được tính trên phần mà nhà thầu vi phạm.

##### ***4.3. Bảo đảm dự thầu dưới 50 triệu***

- Gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu dưới 50 triệu, nhà thầu được làm cam kết trong đơn dự thầu.

- Chủ đầu tư gửi đến nhà thầu trong nội dung Thông báo mời đối chiếu tài liệu trên Hệ thống . Trong Thông báo mời đối chiếu tài liệu phải ghi rõ thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (đối với bảo đảm dự thầu có giá trị dưới 50 triệu đồng), thời gian, địa điểm thực hiện đối chiếu tài liệu trên cơ sở bảo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và đến đối chiếu tài liệu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

- Tại thời điểm đóng thầu, nhà thầu không phải đính kèm thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh mà phải cam kết trong đơn dự thầu (không phải đính kèm cam kết riêng bằng văn bản) là nếu được mời vào đối chiếu tài liệu hoặc vi phạm quy định thì phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của chủ đầu tư) hoặc thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh với giá trị quy định (thời gian có hiệu lực của thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh là số ngày được quy định trong Thông báo mời đối chiếu tài liệu và được tính từ ngày thực hiện đối chiếu tài liệu).

- Trường hợp nhà thầu chọn áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh khi đối chiếu tài liệu nhưng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của nhà thầu không đáp ứng quy thì nhà thầu phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư) với giá trị quy định.

- Trường hợp nhà thầu không thực hiện theo cam kết nêu trên, nhà thầu bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu nêu trong đơn dự thầu (bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống và bị khóa tài khoản trong vòng 06 tháng, kể từ ngày Chủ đầu tư công khai tên nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ trường hợp bất khả kháng). Trường hợp nhà thầu vi phạm quy định thì nhà thầu sẽ không được hoàn trả khoản tiền bảo đảm dự thầu này.

- Nhà thầu cam kết: Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư quy định; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, không nộp tiền mặt, Séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa

trong vòng 06 tháng kể từ ngày Chủ đầu tư công khai tên chúng tôi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ trường hợp bất khả kháng.

## **5. GIÁ TRỊ BẢO ĐẢM DỰ THẦU**

### **5.1 Nguyên tắc xác định**

Giá trị bảo đảm dự thầu phải được quy định trong hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu, tùy theo quy mô và tính chất của từng gói thầu hoặc dự án đầu tư kinh doanh.

### **5.2 Mức cụ thể**

Theo khoản 4 Điều 14 Luật Đấu thầu 2023:

- Đối với gói thầu xây lắp hoặc hỗn hợp có giá gói thầu không quá 20 tỷ đồng, hoặc gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng: mức bảo đảm dự thầu là từ 1% đến 1,5% giá trị gói thầu.

- Đối với gói thầu không thuộc trường hợp trên: mức bảo đảm là từ 1,5% đến 3% giá trị gói thầu.

- Đối với lựa chọn nhà đầu tư cho dự án đầu tư kinh doanh: mức bảo đảm là từ 0,5% đến 1,5% tổng vốn đầu tư của dự án.

### **5.3 Một số lưu ý**

- Mức này là tối thiểu và tối đa do luật quy định, hồ sơ mời thầu có thể đặt thấp hơn hoặc trong khoảng đó, nhưng không vượt quá khung.

- Giá trị bảo đảm dự thầu phải ghi rõ đồng tiền (thường là VND) và phải phù hợp với hồ sơ mời thầu.

## **6. THỜI HẠN HIỆU LỰC VÀ GIA HẠN**

### **6.1 Thời điểm thực hiện**

- Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo quy định của hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu.

- Trường hợp áp dụng phương thức đấu thầu hai giai đoạn, bảo đảm dự thầu được thực hiện trong giai đoạn hai.

### **6.2 Thời hạn hiệu lực**

Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định trong hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu, và thường **bằng thời gian hiệu lực của hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất cộng thêm 30 ngày**.

### **6.3. Gia hạn**

Nếu Chủ đầu tư yêu cầu gia hạn thời gian hiệu lực hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu, thì nhà thầu, nhà đầu tư phải **gia hạn tương ứng** thời gian hiệu lực của

bảo đảm dự thầu. Nếu từ chối gia hạn thì hồ sơ dự thầu sẽ không còn giá trị và bị loại.

Chủ đầu tư phải hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu trong thời hạn 14 ngày kể từ khi nhận được văn bản từ chối gia hạn.

## **7. TÍNH HỢP LỆ CỦA BẢO ĐẢM DỰ THẦU**

Theo hướng dẫn tại Nghị định 214/2025/NĐ-CP (Điều 24, khoản 3) và các văn bản hướng dẫn:

Một bảo đảm dự thầu được **hợp lệ** nếu đáp ứng các yêu cầu:

- Có giá trị không thấp hơn mức yêu cầu trong hồ sơ mời thầu.
- Thời gian hiệu lực không ngắn hơn yêu cầu của hồ sơ mời thầu.
- Tên đơn vị thụ hưởng đúng.
- Có chữ ký hợp lệ, phát hành đúng thời điểm (không ký trước khi phát hành hồ sơ mời thầu nếu hồ sơ mời thầu yêu cầu phát hành đúng thời điểm).
- Nếu hình thức bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì không kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư.
- Trường hợp liên danh tham dự thầu: từng thành viên có thể thực hiện riêng hoặc thỏa thuận một thành viên chịu trách nhiệm; tổng giá trị bảo đảm dự thầu của liên danh không thấp hơn mức yêu cầu. Nếu một thành viên trong liên danh có bảo đảm dự thầu không hợp lệ thì hồ sơ dự thầu của liên danh đó bị loại.

## **8. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN**

### **8.1. Nghĩa vụ của nhà thầu**

Thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo đúng yêu cầu trong hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu (giá trị, hình thức, thời hạn).

- Gia hạn bảo đảm nếu Chủ đầu tư yêu cầu (nếu thời hạn hiệu lực hồ sơ dự thầu được gia hạn).

- Nếu trúng thầu: tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ tiếp theo (ký hợp đồng, thực hiện hợp đồng) – nếu không thực hiện có thể dẫn đến mất bảo đảm dự thầu.

### **8.2 Nghĩa vụ của Chủ đầu tư**

- Quy định rõ trong hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu về việc bảo đảm dự thầu: hình thức, giá trị, thời hạn hiệu lực, đơn vị thụ hưởng.

- Sau khi kết quả lựa chọn nhà thầu/nhà đầu tư được phê duyệt hoặc sau khi nhà thầu trúng thầu thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng, Chủ đầu tư thực hiện việc hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho các nhà thầu không trúng hoặc nhà thầu trúng đã thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng – trong vòng 14 ngày.

- Trong trường hợp liên danh hoặc thay đổi thành viên: xử lý theo đúng quy định (nếu liên danh, nếu thành viên vi phạm thì liên danh chịu).

### **8.3 Quyền của Chủ đầu tư**

- Yêu cầu nhà thầu/nhà đầu tư thực hiện bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu.

- Tịch thu hoặc không hoàn trả bảo đảm dự thầu trong các trường hợp luật quy định (xem phần dưới “xử lý vi phạm”).

## **9. XỬ LÝ VI PHẠM VÀ HOÀN TRẢ BẢO ĐẢM DỰ THẦU**

### **9.1 Trường hợp không được hoàn trả bảo đảm dự thầu**

Theo khoản 9 Điều 14 Luật Đấu thầu 2023: Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả khi:

a) Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian hiệu lực của hồ sơ dự thầu, nhà thầu hoặc nhà đầu tư rút hồ sơ dự thầu hoặc có văn bản từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu.

b) Nhà thầu hoặc nhà đầu tư có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu 2023 hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1, hoặc điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 17 Luật Đấu thầu 2023.

c) Nhà thầu hoặc nhà đầu tư không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 (lựa chọn nhà thầu) và Điều 75 (lựa chọn nhà đầu tư) Luật Đấu thầu 2023.

d) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có) trong thời hạn 05 ngày làm việc đối với đấu thầu trong nước và 10 ngày đối với quốc tế kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

### **9.2 Hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu**

- Nhà thầu không trúng: Chủ đầu tư phải hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm trong 14 ngày kể từ ngày quyết định lựa chọn nhà thầu có hiệu lực hoặc thông báo kết quả.

- Nhà thầu trúng và đã ký hợp đồng và thực hiện các nghĩa vụ tiếp theo (nếu có bảo đảm thực hiện hợp đồng) thì bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa trong 14 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

### **9.3 Trong trường hợp liên danh**

Nếu một thành viên liên danh vi phạm khiến bảo đảm dự thầu của thành viên đó không được hoàn trả thì **toàn bộ** bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh cũng không được hoàn trả.

## 10. CÁC VẤN ĐỀ THỰC TẾ CẦN LƯU Ý KHI SOẠN HỒ SƠ / THAM DỰ

- Hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu cần quy định rõ: hình thức, giá trị, thời hạn hiệu lực bảo đảm dự thầu; đơn vị thụ hưởng (Chủ đầu tư hoặc chủ đầu tư), đồng tiền sử dụng.

- Nhà thầu trước khi nộp cần kiểm tra: thư bảo lãnh hoặc giấy bảo hiểm bảo lãnh có phù hợp yêu cầu (giá trị, thời hạn, tên thụ hưởng, không có điều kiện phụ bất lợi).

- Trường hợp đấu thầu theo phương thức 2 giai đoạn, lưu ý thời điểm nộp bảo đảm thuộc giai đoạn 2.

- Nếu hồ sơ dự thầu được yêu cầu gia hạn thời hạn hiệu lực (ví dụ do chậm trễ) thì phải cực kỳ lưu ý việc gia hạn bảo đảm dự thầu; nếu không gia hạn, hồ sơ bị loại.

- Đối với liên danh: cần thoả thuận từ trước ai là người đứng ra chịu trách nhiệm bảo đảm – nếu một thành viên sai thì tất cả có thể ảnh hưởng.

- Chủ đầu tư lưu ý việc hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm kịp thời cho nhà thầu không trúng đấu thầu để tránh bị kiến nghị, phản ánh.

## 11. NHỮNG THAY ĐỔI, ĐIỂM MỚI CẬP NHẬT

- So với Luật Đấu thầu 2013, Luật 2023 (và các sửa đổi bổ sung tiếp theo) đã quy định rõ hơn về mức bảo đảm dự thầu theo từng quy mô gói thầu, thời hạn hiệu lực, và bổ sung thêm hình thức bảo hiểm bảo lãnh.

- Việc sửa đổi tại Luật số 90/2025/QH15 nhằm hoàn thiện khung pháp lý, tăng cường minh bạch và tính hiệu quả trong hoạt động đấu thầu.

## 12. SƠ ĐỒ TỔNG HỢP (TÓM TẮT)

| Nội dung                  | Quy định chính   |
|---------------------------|--|
| <b>Trường hợp áp dụng</b> | Gói thầu xây lắp/hỗn hợp, mua sắm hàng hóa/dịch vụ phi tư vấn; lựa chọn nhà đầu tư.  |
| <b>Hình thức bảo đảm</b>  | - Đặt cọc<br>- Thư bảo lãnh<br>- Giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh.  |
| <b>Giá trị bảo đảm</b>    | 1 %–1,5 % (gói Xây lắp, Hỗn hợp ≤20 tỷ, gói MSHH, PTV ≤ 10 tỷ)<br>1,5 %–3 % (gói lớn)<br>0,5 %–1,5 % (lựa chọn nhà đầu tư) |

|                                 |  |
|---------------------------------|--|
| <b>Thời hạn hiệu lực</b>        | Bằng thời gian hiệu lực hồ sơ dự thầu + 30 ngày.   |
| <b>Vi phạm – không hoàn trả</b> | Rút hồ sơ sau đóng thầu; vi phạm đấu thầu; không thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng; từ chối thương thảo hợp đồng. |